

2	2. Tích vô hướng của hai vectơ	2.1. Hệ thức lượng trong tam giác	3	3	2	4					5			
3	3. Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	3.1. Phương trình đường thẳng	4	4	3	6	1	8	1	12	7	2	37	39
Tổng			20	20	15	30	2	16	2	24	35	4	90	
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					100
Tỉ lệ chung (%)			70				30							100

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,20 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- Trong nội dung kiến thức:

+ Chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng ở một trong năm nội dung 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5.

+ Chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng ở một trong hai nội dung 2.1; 3.1.

+ Chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng cao ở một trong hai nội dung 2.1; 3.1.

+(1*): chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng cao ở một trong ba nội dung 1.1; 1.3; 1.5.

2. Ma trận đề thi giữa học kì 2 môn Ngữ văn 10

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Phần I. Đọc hiểu	- Nhận biết được phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích. - Nhận biết nội dung theo quan điểm của tác giả.	- Xác định các BPTT và hiệu quả biểu đạt của nó	Cảm nhận và rút ra ý nghĩa về hình ảnh thơ, văn		
<i>Số câu</i>	2	1	1		4
<i>Số điểm</i>	2 điểm = 20%	1,0 điểm = 10%	1,0 điểm = 10%		4,0 đ = 40%
<i>Tỉ lệ %</i>					
Phần II. Làm văn - Nghị luận văn học	Nhận biết về vấn đề trọng tâm bàn luận trong văn bản.	Hiểu nội dung trọng tâm bàn luận trong văn bản.	Vận dụng kiến thức và kỹ năng để viết bài văn nghị luận VH.	Bày tỏ được những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân sau khi phân tích/cảm nhận văn bản.	
<i>Số câu</i>					1
<i>Số điểm</i>	1,5 điểm = 25%	2,0 điểm = 20%	1,5 điểm = 125%	1,0 điểm = 10%	6,0 đ = 60%
<i>Tỉ lệ %</i>					
<i>Tổng số câu</i>					Số câu: 5
<i>Tổng số điểm</i>	Số điểm: 3,5 = 35 %	Số điểm: 3,0 = 30%	Số điểm: 2,5,0 = 25%	Số điểm: 1,0 = 10%	Số điểm: 10 = 100%
<i>Tỉ lệ %</i>					

3. Ma trận đề thi giữa học kì 2 lớp 10 môn Hóa học

T	T	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng Điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số C H	Thời gian (phút)	Số C H	Thời gian (phút)	Số C H	Thời gian (phút)	Số C H	Thời gian (phút)	T N	TL		
1	Halogen và hợp chất	Khái quát về nhóm halogen	2	1,5	1	1	1	4,5			3	2	13 hoặc 18	27,5 % Hoặc 32,5
		Các đơn chất halogen	4	3,0	3	3								
		Hidro halogenua. Axit halogenhidric. Muối halogenua.	3	2,25	3	3	1	4,5	1	6,0	6	1	32	72,5 % hoặc 67,5 %
		Hợp chất chứa oxi của clo	2	1,5	2	2								
		Thực hành	1	0,75	1	1			2					
2	Oxi - ozon	Oxi – ozon	4	3,0	2	2			1	6,0	6			
Tổng			16	12	12	12	2	9	2	12	28	4	45	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%					
Tỉ lệ chung			70%				30%							

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

4. Ma trận đề thi giữa học kì 2 lớp 10 môn Lịch sử

Tên chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
<p>1. Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X</p> <p>Số tiết: 4 tiết</p>	Biết được những nền văn hóa tiêu biểu trên đất nước ta.		<p>Hiểu được tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.</p> <p>Hiểu được những nét độc đáo và ý nghĩa trong các cuộc khởi nghĩa diễn ra trong thời kì Bắc thuộc.</p>		<p>So sánh được những nét tương đồng trong đời sống văn hóa và kinh tế của các quốc gia cổ trên đất nước ta.</p>				
<p><i>TS câu:</i> 8</p> <p><i>Số điểm:</i> 2,4</p>	<p><i>Số câu:</i> 4</p> <p><i>Số điểm:</i> 1,2</p> <p><i>Tỷ lệ:</i> 12 %</p>		<p><i>Số câu:</i> 3</p> <p><i>Số điểm:</i> 0,9</p> <p><i>Tỷ lệ:</i> 9 %</p>		<p><i>Số câu:</i> 1</p> <p><i>Số điểm:</i> 0,3</p> <p><i>Tỷ lệ:</i> 3 %</p>				24%

<p>2. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV</p> <p>Số tiết: 4 tiết</p>	<p>.Biết được các triều đại, luật pháp, tư tưởng, tôn giáo, các cuộc kháng chiến của nước ta từ thế kỉ X - XV</p>		<p>Hiểu được chiến thuật độc đáo qua các cuộc kháng chiến từ thế kỉ X – XV.</p>					
<p><i>TS câu:</i> 7</p> <p><i>Số điểm:</i> 2,1</p>	<p><i>Số câu:</i> 5</p> <p><i>Số điểm:</i> 1,5</p> <p><i>Tỷ lệ:</i> 15 %</p>		<p><i>Số câu:</i> 2</p> <p><i>Số điểm:</i> 0,6</p> <p><i>Tỷ lệ:</i> 6 %</p>					<p>21%</p>
<p>3. Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII</p> <p>Số tiết: 3 tiết</p>	<p>Biết được những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI – XVIII.</p> <p>Nêu được những nét chính về các cuộc kháng chiến vào nửa sau thế kỉ XVIII</p>		<p>Trình bày được chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa.</p>	<p>Trình bày được những nét chính về phong trào nông dân Tây Sơn</p>			<p>Đánh giá được công lao của phong trào nông dân Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc</p>	

<i>TS câu:</i> 6	<i>Số câu:</i> 4	<i>Số câu:</i> 1	<i>Số câu:</i> 1				<i>Số câu:</i> 1	
<i>Số điểm:</i> 5,5	<i>Số điểm:</i> 1,2	<i>Số điểm:</i> 0,3	<i>Số điểm:</i> 2,3				<i>Số điểm:</i> 1,7	55%
	<i>Tỷ lệ:</i> 9 %	<i>Tỷ lệ:</i> 3 %	<i>Tỷ lệ:</i> 23 %				<i>Tỷ lệ:</i> 17 %	
<i>TS câu:</i> 21	<i>Số câu:</i> 13	<i>Số câu:</i> 7		<i>Số câu:</i> 1	<i>Số câu:</i> 1			
<i>Số điểm:</i> 10 điểm	<i>Số điểm:</i> 4,3	<i>Số điểm:</i> 4,0		<i>Số điểm:</i> 0,3	<i>Số điểm:</i> 1,7			100%
	<i>Tỷ lệ:</i> 43 %	<i>Tỷ lệ:</i> 40 %		<i>Tỷ lệ:</i> 3%	<i>Tỷ lệ:</i> 17%			